

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG HIẾU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG HIẾU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG HIEU SERVICE AND TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108903198

**3. Ngày thành lập:** 16/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4, ngõ 108 Đường Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                          | 4511        |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                  | 4512        |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                            | 4513        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 4520(Chính) |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                           | 4530        |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                            | 4541        |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: - Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: Săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>( Trừ hoạt động đấu giá ) | 4543        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                         | 4659        |
| 9.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                               | 3315        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn xe đạp (Kể cả xe đạp điện )<br>- Bán buôn phụ tùng xe đạp | 4649 |
| 11. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán lẻ phụ tùng ô tô, mô tô và xe máy<br>- Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp         | 4799 |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>( Trừ hoạt động đấu giá )                                       | 4610 |
| 13. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                     | 4542 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                     | 8299 |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                                                          | 4690 |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>( Trừ loại nhà nước cấm )                                                                                          | 4669 |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710 |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu    | 4932 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác                            | 4933 |
| 21. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |
| 22. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912 |
| 23. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990 |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510 |
| 25. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                      | 5590 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phong hát karaoke, vũ trường)                                                   | 5610 |
| 27. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621 |

|     |                      |      |
|-----|----------------------|------|
| 28. | Dịch vụ ăn uống khác | 5629 |
|-----|----------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI MINH HOÀNG | Số 101 Phố Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 250.000.000           | 50,000    | 001088000188                                                                                                                                      |         |
| 2   | ĐẶNG VĂN HIẾU  | Số 44, ngõ 12 Đường 800A, Tổ 34, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 250.000.000           | 50,000    | B9723215                                                                                                                                          |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: BÙI MINH HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088000188

Ngày cấp: 30/05/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 101 Phố Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 101 Phố Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội